

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Học phần: Lý luận Nhà nước và pháp luật 2 (450150)
Số tín chỉ: 2
Nhóm/Lớp: (050 -)/DE20L370
CBGD: ()

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....18...../.....10...../.....2020.....
Hình thức đánh giá: Tự luận
Phòng thi:.....01.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	144120781	Trần Thị Tú Anh	05/04/1990	Nữ	7.0	6.0	6.3	01		
2	144120782	Nguyễn Ngọc Ánh	12/09/1968	Nam	7.5	6.5	6.8	01		
3	144120783	Phan Thị Như Băng	26/06/1982	Nữ		/				
4	144120784	Bùi Khương Bảo	26/11/1982	Nam	7.0	6.5	6.8	01		
5	144120785	Lê Thanh Bình	30/09/1985	Nam	7.0	6.0	6.3	01		
6	144120786	Nguyễn Thị Hồng Châu	01/11/1984	Nữ	7.0	6.0	6.3	01		
7	144120787	Nguyễn Chi	19/06/1972	Nam	7.5	7.0	7.2	01		
8	144120788	Đỗ Minh Chiến	20/12/1984	Nam	7.0	6.0	6.3	01		
9	144120789	Võ Ngọc Chiến	08/10/1979	Nam		/				vắng
10	144120790	Nguyễn Văn Cường	10/01/1982	Nam		/				vắng
11	144120791	Nguyễn Văn Đài	01/01/1982	Nam		/				vắng
12	144120792	Nguyễn Thị Diễm	25/04/1991	Nữ	7.0	7.0	7.0	01		
13	144120793	Trần Thị Hồng Diễm	10/02/1988	Nữ		/				vắng
14	144120794	Nguyễn Thanh Điền	24/07/1992	Nam	7.0	7.0	7.0	01		
15	144120795	Nguyễn Khắc Điệp	15/02/1992	Nam	7.0	6.5	6.8	01		
16	144120796	Nguyễn Văn Đoàn	1969	Nam	7.5	6.0	6.5	01		
17	144120797	Nguyễn Thị Mỹ Dung	1986	Nữ		/				vắng
18	144120798	Nguyễn Minh Dũng	04/07/1986	Nam	7.0	6.0	6.3	01		
19	144120799	Kiều Xây Dựng	15/09/1988	Nam	7.0	6.5	6.8	01		
20	144120800	Nguyễn Thị Kiều Duyên	1986	Nữ	7.0	7.0	7.0	01		
21	144120801	Nguyễn Trường Giang	02/09/1987	Nam	7.0	6.5	6.8	01		
22	144120802	Bùi Thị Thu Hà	20/03/1971	Nữ	7.5	6.0	6.5	01		
23	144120803	Nguyễn Thị Thúy Hằng	06/05/1984	Nữ	7.0	7.0	7.0	01		
24	144120804	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	01/11/1988	Nữ	7.0	7.0	7.0	01		
25	144120805	Đào Văn Hên	15/01/1978	Nam	7.0	7.0	7.0	01		
26	144120806	Huỳnh Lê Hiệp	25/03/1992	Nam	7.0	7.0	7.0	01		
27	144120807	Hà Trọng Hiếu	13/11/1997	Nam		/				vắng
28	144120808	Nguyễn Thị Kim Hòa	23/06/1993	Nữ	7.0	7.5	7.4	01		
29	144120809	Đỗ Thị Thu Hoài	15/03/1988	Nữ	7.0	8.5	8.1	01		

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Học phần: Lý luận Nhà nước và pháp luật 2 (450150)
Số tín chỉ: 2
Nhóm/Lớp: (050 -)/DE20L370
CBGD: ()

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....18...../.....10...../.....2020.....
Hình thức đánh giá:.....T.ư. luận.....
Phòng thi:.....01.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Ghi chú
30	144120810	Đặng Minh Hoàng	04/01/1980	Nam	7.0	6.5	6.7	01	H	
31	144120811	Lê Hoàng	18/04/1977	Nam	7.0	7.5	7.4	01	C	
32	144120812	Nguyễn Thị Huệ	16/01/1987	Nữ		/				vắng
33	144120813	Nguyễn Văn Hùng	20/04/1980	Nam		/				vắng
34	144120814	Phạm Chí Hường	25/11/1989	Nam	7.0	8.5	8.1	01	Phạm Chí Hường	
35	144120815	Trần Huỳnh Quang Khải	23/04/1993	Nam	7.0	7.0	7.0	01	Trần Huỳnh Quang Khải	
36	144120816	Đào Phú Khanh	25/10/1987	Nam	7.0	6.0	6.3	01	Đào Phú Khanh	
37	144120817	Nguyễn Đăng Khoa	10/02/1988	Nam	7.0	6.5	6.7	01	Nguyễn Đăng Khoa	
38	144120818	Lý Thường Kiệt	20/09/1991	Nam	7.0	7.0	7.0	01	Lý Thường Kiệt	
39	144120819	Phan Thị Thanh Lan	01/04/1990	Nữ	7.0	7.0	7.0	01	Phan Thị Thanh Lan	
40	144120820	Hà Vũ Lập	20/03/1983	Nam	7.0	6.5	6.7	01	Hà Vũ Lập	

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....40.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:31.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....31.....

Tổng số tờ:.....31.....

Điểm QT:.....30.....%; Điểm KT:.....70.....%

Trà Vinh, Ngày 30 tháng 12 năm 2020

Cán bộ coi thi 1:.....Đặng Minh Hoàng.....

Cán bộ ghi điểm:.....Lê Thị Thanh Lan.....

Cán bộ coi thi 2:.....Nguyễn Thị Thanh Lan.....

Cán bộ kiểm tra:.....Trần Trọng Nhân.....

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Học phần: Lý luận Nhà nước và pháp luật 2 (450150)
Số tín chỉ: 2
Nhóm/Lớp: (050 -)/DE20L370
CBGD: ()

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....18/.....10.....2020.....
Hình thức đánh giá:.....
Phòng thi:.....02.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Ghi chú
41	144120821	Nguyễn Hữu Lập	23/01/1983	Nam	7.0	6.5	6.8	1		
42	144120822	Võ Dũng Liêm	26/09/1989	Nam	7.0	7.5	7.4	1		
43	144120823	Nguyễn Thị Mỹ Linh	07/11/1982	Nữ		/		/		
44	144120824	Trần .Hoàng Sơn	22/06/1989	Nam	7.0	8.5	8.1	1		
45	144120825	Trần Vũ	29/07/1994	Nam	7.0	8.5	8.1	1		
46	144120826	Nguyễn Thị Thùy	14/04/1990	Nữ	7.0	8.5	8.1	1		
47	144120827	Nguyễn Phước Lộc	03/12/1988	Nam		/		/		
48	144120828	Ngô Văn Lộc	13/05/1984	Nam	7.0	7.0	7.0	1		
49	144120829	Nguyễn Hoàng Long	16/11/1968	Nam	7.5	7.5	7.5	1		
50	144120830	Phan Minh Luân	15/02/1989	Nam	7.0	6.5	6.7	1		
51	144120831	Nguyễn Văn Lực	15/11/1965	Nam		/		/		
52	144120832	Đoàn Văn Mến	01/01/1987	Nam	7.0	6.0	6.3	1		
53	144120833	Nguyễn Thị Hồng Nga	28/03/1980	Nữ	7.0	8.0	7.7	1		
54	144120834	Châu Thị Kim Ngân	06/12/1992	Nữ	7.0	8.5	8.1	1		
55	144120835	Lê Trọng Nghĩa	14/11/1994	Nam		/		/		
56	144120836	Lý Văn Nghiệp	22/07/1982	Nam	7.0	7.0	7.0	1		
57	144120837	Nguyễn Thị Kim Ngon	09/05/1990	Nữ		/		/		
58	144120838	Nguyễn Thị Thanh Nhanh	19/08/1983	Nữ		/		/		
59	144120839	Nguyễn Lê Hải Nhi	15/11/1999	Nữ		/		/		
60	144120840	Nguyễn Thị Hồng Nhung	29/04/1989	Nữ	7.0	7.0	7.0	1		
61	144120841	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	21/01/1982	Nữ	7.0	6.5	6.8	1		
62	144120842	Châu Minh Nhựt	17/05/1992	Nam	7.0	6.5	6.8	1		
63	144120843	Trần Thị Ngọc Niềm	18/07/1987	Nữ		/		/		
64	144120844	Mai Tấn Phát	05/12/1972	Nam	7.5	8.0	7.9	1		
65	144120845	Nguyễn Sung Phong	30/06/1981	Nam	7.0	6.5	6.8	1		
66	144120846	Trần Hoàng Phong	1972	Nam	7.5	6.5	6.8	1		
67	144120847	Võ Văn Phúc	10/11/1973	Nam		/		/		
68	144120848	Nguyễn Hữu Phước	17/09/1990	Nam	7.0	6.5	6.8	1		
69	144120849	Huỳnh Bảo Hoài Phương	26/04/1982	Nữ		/		/		

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Học phần: Lý luận Nhà nước và pháp luật 2 (450150)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (050 -)/DE20L370

CBGD: ()

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/10/2020

Hình thức đánh giá:.....

Phòng thi: 02

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Ghi chú
70	144120850	Trần Minh Phương	01/11/1989	Nam	7.0	6.5	6.8	1		
71	144120851	Nguyễn Xuân Phương	14/10/1987	Nam	7.0	8.0	7.7	1		
72	144120852	Nguyễn Thị Thảo	10/09/1988	Nữ	7.0	8.0	7.7	1		
73	144120853	Nguyễn Thái	01/01/1973	Nữ	7.5	7.5	7.5	1		
74	144120854	Trần Văn	22/03/1989	Nam	7.0	7.0	7.0	1		
75	144120855	Phạm Minh Tân	06/03/1983	Nam	7.0	7.5	7.4	1		
76	144120856	Ngô Tấn	16/07/1990	Nam	7.0	6.5	6.8	1		
77	144120857	Trần Thông	28/07/1994	Nam	7.0	7.5	7.4	1		
78	144120858	Trần Quốc	27/10/1989	Nam	7.0	6.5	6.8	1		
79	144120859	Lê Tuấn	12/02/1990	Nam	7.0	7.0	7.0	1		
80	144120860	Nguyễn Đức	14/10/1985	Nam	7.0	7.0	7.0	1		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 40

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 30

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 30

Tổng số tờ: 30

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Thanh Hoa

Điểm QT: 30%; Điểm KT: 70%

Trà Vinh, Ngày 30 tháng 12 năm 2020

Cán bộ ghi điểm: Lưu Lê Thị Thanh Lan

Cán bộ coi thi 2: Phạm Thị Thu Hồng

Cán bộ kiểm tra: Trần Trọng Nhân

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Học phần: Lý luận Nhà nước và pháp luật 2 (450150)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (050 -)/DE20L370

CBGD: ()

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/10/2020

Hình thức đánh giá: 1, 2, 3, 4, 5

Phòng thi: 03

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Ghi chú
81	144120861	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/03/1988	Nữ	7.0	6.0	6.3	01		
82	144120862	Phạm Thị Phương Thảo	12/01/1987	Nữ	7.0	7.0	7.0	01		
83	144120863	Huỳnh Minh Thiện	24/01/1990	Nam	7.0	8.0	7.7	01		
84	144120864	Lương Thành Thông	1989	Nam	7.0	7.0	7.0	01		
85	144120865	Bùi Thị Hồng Thu	27/02/1978	Nữ	7.0	7.5	7.4	01		
86	144120866	Trần Thị Kiều Thu	09/01/1986	Nữ	7.0	8.5	8.1	01		
87	144120867	Trần Thị Mai Thu	16/02/1987	Nữ	7.0	7.0	7.0	01		
88	144120868	Đoàn Nguyễn Anh Thư	26/06/1993	Nữ		/		/		
89	144120869	Phan Thị Ngọc Thu	28/08/1992	Nữ		/		/		
90	144120870	Lê Văn Thương	01/01/1989	Nam	7.0	8.0	7.7	01		
91	144120871	Lại Thị Kim Thùy	23/11/1985	Nữ	7.0	8.5	8.1	01		
92	144120872	Văn Minh Tiến	31/10/1974	Nam	7.5	7.0	7.2	01		
93	144120873	Huỳnh Minh Tiếp	28/08/1992	Nam	7.0	6.0	6.3	01		
94	144120874	Nguyễn Văn Tiết	12/12/1967	Nam	7.5	6.0	6.5	01		
95	144120875	Trần Bảo Toàn	01/09/1988	Nam	7.0	8.5	8.1	01		
96	144120876	Nguyễn Phạm Thị Thùy Trang	1988	Nữ	7.0	6.0	6.3	01		
97	144120877	Thới Thị Thu Trang	08/11/1992	Nữ		/		/		
98	144120878	Trần Thị Huyền Trang	08/07/1994	Nữ		/		/		
99	144120879	Nguyễn Thị Thanh Trang	28/10/1988	Nữ	7.0	6.0	6.3	01		
100	144120880	Võ Công Trình	1990	Nam		/		/		
101	144120881	Phan Thanh Tú	20/12/1985	Nam		/		/		
102	144120882	Nguyễn Anh Tuấn	09/12/1971	Nam	7.5	6.0	6.5	01		
103	144120883	Trần Minh Tuấn	22/03/1987	Nam	7.0	6.0	6.3	01		
104	144120884	Nguyễn Thị Kim Tùng	16/08/1988	Nữ	7.0	6.0	6.3	01		
105	144120885	Võ Minh Tùng	21/07/1976	Nam	7.0	6.0	6.3	01		
106	144120886	Châu Thúy Vân	25/10/1988	Nữ	7.0	6.0	6.3	01		
107	144120887	Tô Từ Vũ	22/02/1988	Nam	7.0	7.0	7.0	01		
108	144120888	Lê Thị Xâm	25/01/1986	Nữ		/		/		
109	144120889	Lê Hạnh Vũ Xuân	27/02/1986	Nữ	7.0	7.0	7.0	01		

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Học phần: Lý luận Nhà nước và pháp luật 2 (450150)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (050 -)/DE20L370

CBGD: ()

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....18/10/2020

Hình thức đánh giá: Tự luậnPhòng thi: 03

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Ghi chú
110	144120890	Trần Huỳnh Yến Xuân	09/04/1989	Nữ	7.0	7.0	7.0	01		
111	144120891	Hồ Thanh Xuyên	05/11/1983	Nữ	7.0	6.0	6.3	01		
112	144120892	Nguyễn Đặng Trung Hiếu	04/04/1997	Nam		/		/		
113	144120893	Nguyễn Thành Chiến	28/08/1987	Nam	7.0	7.0	7.0	01		
114	144120894	Nguyễn Tấn Đạt	05/05/1983	Nam	7.0	7.5	7.4	01		
115	144120895	Lê Văn Được	24/01/1992	Nam	7.0	6.5	6.8	01		
116	144120896	Huỳnh Thanh Nhôi	28/08/1988	Nam	7.0	8.0	7.7	01		
117	144120897	Nguyễn Thị Kim Quế	27/10/1994	Nữ	7.0	8.0	7.7	01		
118	144120898	Lê Hoàng Bích Trâm	05/09/1991	Nữ	7.0	6.0	6.3	01		
119	144120899	Bùi Phước Trọng	1984	Nam	7.0	7.0	7.0	01		
120	144120900	Võ Quốc Trung	26/05/1990	Nam		/		/		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 40Tổng số sv, hs dự đánh giá: 31Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 31Tổng số tờ: 31Điểm QT: 30%; Điểm KT: 70%Trà Vinh, Ngày 30 tháng 12 năm 2020

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Học phần: Lý luận Nhà nước và pháp luật 2 (450150)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (050 -)/DE20L370

CBGD: ()

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....18/10/2020

Hình thức đánh giá: Thi

Phòng thi: 03

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Ghi chú
121	144120901	Đào Công Vương	10/07/1982	Nam	7.0	6.0	6.3	01		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Cẩm Hiền

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Hồng

Điểm QT: 30%; Điểm KT: 70%

Trà Vinh, Ngày 30 tháng 12 năm 2020

Cán bộ ghi điểm: Lưu Lê Thị Chanh Lan

Cán bộ kiểm tra: Trần Trọng Nhân

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần - Lần 1
Học kỳ - Năm học 2020 - 2021

Học phần: Lý luận nhà nước và pháp luật 2 (450150)
Số tín chỉ: 2
Nhóm/Lớp: DE20L370
CBGD: ThS. Đào Thị Anh Tuyết

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 18 / 10 / 2020
Hình thức đánh giá: Tự luận
Phòng thi: 03

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Điểm TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Ghi chú
105	144120969	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/11/1984	Nam	7.5	7.0	7.2	1		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Cẩm Hiền

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Hồng

Điểm QT: 30%; Điểm KT: 70%.

Trà Vinh, Ngày 30 tháng 12 năm 2020

Cán bộ ghi điểm: Nhan Lê Thị Thanh Lan

Cán bộ kiểm tra: Trần Trọng Nhân

KHOA KINH TẾ - LUẬT
BỘ MÔN LUẬT

DGMH_BM 2

Danh Sách Ghi Điểm Quá Trình
Học kỳ - Niên học: 2020 - 2021

Học phần: **Lý luận nhà nước và pháp luật 2**
Số tín chỉ: **2**
Nhóm/Lớp: **DE20L370**

Stt	MSSV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Điểm			Điểm TBQT	Ký tên			Ghi chú
				Lần 1	Lần 2	Lần 3		Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	144120781	Trần Thị Tú Anh	05/04/1990	7	6	8	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
2	144120782	Nguyễn Ngọc Anh	12/09/1968	7,5	7	8,5	7,5	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
3	144120783	Phan Thị Như Băng	26/06/1982				✓				
4	144120784	Bùi Khương Bảo	26/11/1982	7,5	6,5	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
5	144120785	Lê Thanh Bình	30/09/1985	7	6	8	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
6	144120786	Nguyễn Thị Hồng Châu	01/11/1984	7	7	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
7	144120787	Nguyễn Chi	19/06/1972	7,5	7,5	7,5	7,5	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
8	144120788	Đỗ Minh Chiến	20/12/1984	8	6	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
9	144120789	Võ Ngọc Chiến	08/10/1979				✓				
10	144120790	Nguyễn Văn Cường	10/01/1982				✓				
11	144120791	Nguyễn Văn Đài	01/01/1982				✓				
12	144120792	Nguyễn Thị Diễm	25/04/1991	7	7	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
13	144120793	Trần Thị Hồng Diễm	10/02/1988				✓				
14	144120794	Nguyễn Thanh Điền	24/07/1992	8	6	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
15	144120795	Nguyễn Khắc Điệp	15/02/1992	7	7	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
16	144120796	Nguyễn Văn Đoàn	1969	8,5	7	7,5	7,5	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
17	144120797	Nguyễn Thị Mỹ Dung	1986				✓				
18	144120798	Nguyễn Minh Dũng	04/07/1986	7	7	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
19	144120799	Kiều Xây Dựng	15/09/1988	7	6	8	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
20	144120800	Nguyễn Thị Kiều Duyên	1986	7	7	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
21	144120801	Nguyễn Trường Giang	02/09/1987	7	6,5	7,5	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
22	144120802	Bùi Thị Thu Hà	20/03/1971	7,5	7,5	7,5	7,5	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
23	144120803	Nguyễn Thị Thúy Hằng	06/05/1984	8,0	6,0	7,0	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
24	144120804	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	01/11/1988	7	7	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
25	144120805	Đào Văn Hên	15/01/1978	7	6	8	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
26	144120806	Huỳnh Lê Hiệp	25/03/1992	7	7	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
27	144120807	Hà Trọng Hiếu	13/11/1997				✓				
28	144120808	Nguyễn Thị Kim Hòa	23/06/1993	7	7	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
29	144120809	Đỗ Thị Thu Hoài	15/03/1988	7	6	8	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
30	144120810	Đặng Minh Hoàng	04/01/1980	8	6	7	7,0	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	

Stt	MSSV	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Điểm			Điểm TBQT	Ký tên			Ghi chú
					Lần 1	Lần 2	Lần 3		Lần 1	Lần 2	Lần 3	
31	144120811	Lê	Hoàng	18/04/1977	7	7	7	7,0				
32	144120812	Nguyễn Thị	Huệ	16/01/1987				✓				
33	144120813	Nguyễn Văn	Hùng	20/04/1980				✓				
34	144120814	Phạm Chí	Hướng	25/11/1989	7	6	8	7,0				
35	144120815	Trần Huỳnh Quang	Khải	23/04/1993	7	7	7	7,0				
36	144120816	Đào Phú	Khanh	25/10/1987	7,5	6,5	7	7,0				
37	144120817	Nguyễn Đăng	Khoa	10/02/1988	7	6,5	7,5	7,0				
38	144120818	Lý Thường	Kiệt	20/09/1991	7	7	7	7,0				
39	144120819	Phan Thị Thanh	Lan	01/04/1990	7,5	6,5	7	7,0				
40	144120820	Hà Vũ	Lập	20/03/1983	7	6	8	7,0				
41	144120821	Nguyễn Hữu	Lập	23/01/1983	7	6	8	7,0				
42	144120822	Võ Dũng	Liêm	26/09/1989	7	7	7	7,0				
43	144120823	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	07/11/1982				✓				
44	144120824	Trần Hoàng Sơn	Linh	22/06/1989	7,5	6,5	7	7,0				
45	144120825	Trần Vũ	Linh	29/07/1994	7	7	7	7,0				
46	144120826	Nguyễn Thị Thùy	Linh	14/04/1990	7	6	8	7,0				
47	144120827	Nguyễn Phước	Lộc	03/12/1988				✓				
48	144120828	Ngô Văn	Lộc	13/05/1984	7,5	6,5	7	7,0				
49	144120829	Nguyễn Hoàng	Long	16/11/1968	8	7	7,5	7,5				
50	144120830	Phan Minh	Luân	15/02/1989	7	7	7	7,0				
51	144120831	Nguyễn Văn	Lực	15/11/1965				✓				
52	144120832	Đoàn Văn	Mến	01/01/1987	7	7	7	7,0				
53	144120833	Nguyễn Thị Hồng	Nga	28/03/1980	7,5	6,5	7	7,0				
54	144120834	Châu Thị Kim	Ngân	06/12/1992	7	6,5	7,5	7,0				
55	144120835	Lê Trọng	Nghĩa	14/11/1994				✓				
56	144120836	Lý Văn	Nghiệp	22/07/1982	7	7	7	7,0				
57	144120837	Nguyễn Thị Kim	Ngon	09/05/1990				✓				
58	144120838	Nguyễn Thị Thanh	Nhanh	19/08/1983				✓				
59	144120839	Nguyễn Lê Hải	Nhi	15/11/1999				✓				
60	144120840	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	29/04/1989	7	7	7	7,0				
61	144120841	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	21/01/1982	7	7	7	7,0				
62	144120842	Châu Minh	Nhật	17/05/1992	7	7	7	7,0				
63	144120843	Trần Thị Ngọc	Niềm	18/07/1987				✓				
64	144120844	Mai Tấn	Phát	05/12/1972	7,5	6,5	8,5	7,5				
65	144120845	Nguyễn Sung	Phong	30/06/1981	7	7	7	7,0				
66	144120846	Trần Hoàng	Phong	00/00/1972	7,5	7	8	7,5				
67	144120847	Võ Văn	Phúc	10/11/1973				✓				

Stt	MSSV	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Điểm			Điểm TBQT	Ký tên			Ghi chú
					Lần 1	Lần 2	Lần 3		Lần 1	Lần 2	Lần 3	
68	144120848	Nguyễn Hữu	Phước	17/09/1990	7	7	7	7,0				
69	144120849	Huỳnh Bảo Hoài	Phương	26/04/1982				✓				
70	144120850	Trần Minh	Phương	01/11/1989	7	7	7	7,0				
71	144120851	Nguyễn Xuân	Phương	14/10/1987	7	6	8	7,0				
72	144120852	Nguyễn Thị Thảo	Phương	10/09/1988	7,5	6,5	7	7,0				
73	144120853	Nguyễn Thái	Phượng	01/01/1973	7,5	7,5	7,5	7,5				
74	144120854	Trần Văn	Sửa	22/03/1989	7	6	8	7,0				
75	144120855	Phạm Minh	Tân	06/03/1983	7,5	6	7,5	7,0				
76	144120856	Ngô Tấn	Thạch	16/07/1990	7	7	7	7,0				
77	144120857	Trần Thông	Thái	28/07/1994	7,5	6,5	7	7,0				
78	144120858	Trần Quốc	Thắng	27/10/1989	8	6	7	7,0				
79	144120859	Lê Tuấn	Thanh	12/02/1990	7	6	8	7,0				
80	144120860	Nguyễn Đức	Thành	14/10/1985	7	7	7	7,0				
81	144120861	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/03/1988	7,5	6,5	7	7,0				
82	144120862	Phạm Thị Phương	Thảo	12/01/1987	7,5	6	7,5	7,0				
83	144120863	Huỳnh Minh	Thiện	24/01/1990	7	7	7	7,0				
84	144120864	Lương Thành	Thông	1989	7	6	8	7,0				
85	144120865	Bùi Thị Hồng	Thu	27/02/1978	7,5	6,5	7	7,0				
86	144120866	Trần Thị Kiều	Thu	09/01/1986	7,5	6	7,5	7,0				
87	144120867	Trần Thị Mai	Thu	16/02/1987	7	7	7	7,0				
88	144120868	Đoàn Nguyễn Anh	Thư	26/06/1993				✓				
89	144120869	Phan Thị Ngọc	Thu	28/08/1992				✓				
90	144120870	Lê Văn	Thương	01/01/1989	7	7	7	7,0				
91	144120871	Lại Thị Kim	Thùy	23/11/1985	7	6	8	7,0				
92	144120872	Văn Minh	Tiến	31/10/1974	7,5	7	8	7,5				
93	144120873	Huỳnh Minh	Tiếp	28/08/1992	7	7	7	7,0				
94	144120874	Nguyễn Văn	Tiết	12/12/1967	8	7	7,5	7,5				
95	144120875	Trần Bảo	Toàn	01/09/1988	7	7	7	7,0				
96	144120876	Nguyễn Phạm Thị Thủy	Trang	00/00/1988	7	7	7	7,0				
97	144120877	Thới Thị Thu	Trang	08/11/1992				✓				
98	144120878	Trần Thị Huyền	Trang	08/07/1994				✓				
99	144120879	Nguyễn Thị Thanh	Trang	28/10/1988	8	6	7	7,0				
100	144120880	Võ Công	Trình	1990				✓				
101	144120881	Phan Thanh	Tú	20/12/1985				✓				
102	144120882	Nguyễn Anh	Tuấn	09/12/1971	7,5	7	8	7,5				
103	144120883	Trần Minh	Tuấn	22/03/1987	7	7	7	7,0				
104	144120884	Nguyễn Thị Kim	Tùng	16/08/1988	8	6	7	7,0				

Stt	MSSV	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Điểm			Điểm TBQT	Ký tên			Ghi chú
					Lần 1	Lần 2	Lần 3		Lần 1	Lần 2	Lần 3	
105	144120885	Võ Minh	Tùng	21/07/1976	7	6	8	7,0				
106	144120886	Châu Thúy	Vân	25/10/1988	7	7	7	7,0				
107	144120887	Tô Từ	Vũ	22/02/1988	8	6	7	7,0				
108	144120888	Lê Thị	Xâm	25/01/1986				✓				
109	144120889	Lê Hạnh Vũ	Xuân	27/02/1986	6	6	7	7,0				
110	144120890	Trần Huỳnh Yến	Xuân	09/04/1989	7	7	7	7,0				
111	144120891	Hồ Thanh	Xuyến	05/11/1983	7	6,5	7,5	7,0				
112	144120892	Nguyễn Đặng Trung	Hiếu	04/04/1997				✓				
113	144120893	Nguyễn Thành	Chiến	28/08/1987	7	7	7	7,0				
114	144120894	Nguyễn Tấn	Đạt	05/05/1983	7	6,5	7,5	7,0				
115	144120895	Lê Văn	Được	24/01/1992	7,5	6,5	7	7,0				
116	144120896	Huỳnh Thanh	Nhôi	28/08/1988	7,5	6,5	7	7,0				
117	144120897	Nguyễn Thị Kim	Quê	27/10/1994	7	7	7	7,0				
118	144120898	Lê Hoàng Bích	Trâm	05/09/1991	7	6	8	7,0				
119	144120899	Bùi Phước	Trọng	00/00/1984	7	6,5	7,5	7,0				
120	144120900	Võ Quốc	Trung	26/05/1990				✓				
121	144120901	Đào Công	Vương	10/07/1982	7	6,5	7,5	7,0				
122	144120969	Nguyễn Trọng	Nghĩa	05/11/1984	7,5	7,5	7,5	7,5				

Tổng số sv trên danh sách: 122
Điểm QT: 30%, điểm thi: 70%

Trà Vinh, ngày ..19.. tháng ..9.. năm ..2020
Cán bộ giảng dạy

Đào Thị Anh Tuyết